**TUẦN 14**

Tiếng Việt (tăng)

**Ôn tập về câu hỏi Khi nào? Mở rộng vốn từ nghề nghiệp*.***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Củng cố, khắc sâu cho HS cách đặt và trả lời câu hỏi *Khi nào*?

- Mở rộng vốn từ cho HS về một số nghề nghiệp khác nhau.

**2. Năng lực chung.**

- Rèn cho HS kĩ năng xác định các bộ phận của câu hỏi Khi nào? trả lời câu hỏi Khi nào?

- Tìm được một số nghề nghiệp khác nhau.

**3. Phẩm chất.**

- Giáo dục HS ý thức viết câu đúng.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**2. Học sinh:** SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| - Bộ phận trả lời cho câu hỏi *Khi nào*? chỉ gì?  - Yêu cầu HS lấy ví dụ.  - Khi hỏi về thời gian, ngoài câu hỏi khi nào còn có những câu hỏi nào khác? | - Khi hỏi về thời gian.  - HS lấy ví dụ: 1 HS đặt câu hỏi, 1 HS trả lời.  - Bao giờ? Lúc nào ?... |
| GV chốt: Câu hỏi *Khi nào?* để hỏi về thời gian. |  |

**2. Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 1:** Em hãy gạch chân vào bộ phận trả lời cho câu hỏi ‘*Khi nào?’* trong những câu sau:  a, Những hôm mưa phùn gió bấc, trời rét cóng tay.  b, Anh Đom Đóm lên đèn đi tuần khi trời đã tối  c, Vào ngày 15 tháng 8 âm lịch, chúng em đón Tết Trung thu.  d, Lớp em đi thăm quan Đền Hùng vào ngày 10 tháng 3 âm lịch. | |
| - GV mời HS đọc yêu cầu bài.  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân. | -1-2 HS đọc yêu cầu.  -HS làm bài đưa câu trả lời.  a, Những hôm mưa phùn gió bấc, trời rét cóng tay.  b, Anh Đom Đóm lên đèn đi tuần khi trời đã tối  c, Vào ngày 15 tháng 8 âm lịch, chúng em đón Tết Trung thu.  d, Lớp em đi thăm quan Đền Hùng vào ngày 10 tháng 3 âm lịch. |
| -GV nhận xét chốt đáp án. | -HS lắng nghe. |
| \*GV chốt:Bộ phận trả lời câu hỏi Khi nào là những từ ngữ chỉ thời gian. | **-** HS nghe và ghi nhớ. |
| **Bài 2:** Trả lời câu hỏi sau:  a,Em thường được khen khi nào?  b, Em được bố mẹ cho đi chơi khi nào?  c,Lớp em tổ chức chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam khi nào?  d, Khi nào trường em tổ chức khai giảng năm học mới? | |
| - Gọi HS nêu yêu cầu.  - HS thảo luận nhóm đôi đưa ra kết quả. | -HS nêu.  -HS thảo luận nhóm đôi đưa đáp án;  - Đại diện nhóm trình bày, nhận xét.  a, Em thường được khen khi được điểm tốt.  b, Em được bố mẹ cho đi chơi ngày cuối tuần.  c, Lớp em tổ chức chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam ngày 20 tháng 11.  d, Ngày 5 tháng 9, trường em tổ chức khai giảng năm học mới. |
| -GV nhận xét chốt kết quả. | -HS lắng nghe. |
| \*GV chốt: Củng cố cách đặt và trả lời câu hỏi khi nào. | **-**HS lắng nghe và ghi nhớ. |
| **Bài 3:** Chọn các từ đã cho trong ngoặc để điền vào chỗ trống thích hợp trong các câu dưới đây: ( Bác sĩ, nhà bác học, kiến trúc sư)  a,Là một….giàu sáng kiến, Ê-đi-xơn đã cống hiến cho loài người hơn một nghìn sáng chế.  b,Tại các trạm y tế xã, các…đang khám bệnh cho mọi người.  c,Cha tôi là một…. Để có được những bản thiết kế mẫu nhà ưng ý, ông đã phải thức trắng rất nhiều đêm. | |
| - Gọi HS nêu yêu cầu.  - HS thảo luận nhóm 4 đưa ra kết quả. | -HS nêu.  - HS thảo luận và đưa ra kết quả.  - Đại diện nhóm trình bày, nhận xét.  a,Là một *nhà bác học* giàu sáng kiến, Ê-đi-xơn đã cống hiến cho loài người hơn một nghìn sáng chế.  b,Tại các trạm y tế xã, các *bác sĩ* đang khám bệnh cho mọi người.  c,Cha tôi là một *kiến trúc sư.* Để có được những bản thiết kế mẫu nhà ưng ý, ông đã phải thức trắng rất nhiều đêm. |
| \*GV chốt: Có nhiều nghề nghiệp khác nhau, mỗi nghề nghiệp đều có nhiều đóng góp cho xã hội. | **-** HS nghe. |

**3. Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 3:** Kể tên các từ chỉ nghề nghiệp mà em biết. Đặt câu với từ em vừa tìm được. | |
| - Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.  - HS nối tiếp nêu đáp án.  - GV nhận xét | - HS nêu.  - HS nêu: giáo viên, bác sĩ, kĩ sư,…  - Một số HS đặt câu với từ mà mình vừa  tìm được. |
| GV chốt: Củng cố giáo dục HS phải biết yêu quý lao động, trân trọng các nghề nghiệp khác nhau. |  |
| -Dặn dò HS ôn lại bài, chuẩn bị tiết học sau.  -GV nhận xét tiết học. | -HS chú ý lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………….

-----------------------------------------------

Tiếng Việt (tăng)

**Ôn tập về câu hỏi Ở đâu? Luyện tập về dấu hai chấm**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Củng cố các từ ngữ chỉ địa điểm (trả lời cho CH Ở đâu?).

- Củng cố tác dụng của dấu hai chấm; Biết sử dụng dấu hai chấm để báo hiệu bộ phận liệt kê.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia học trong nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**2. Học sinh:** SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| - Em hãy đặt một câu khiến để mượn bạn một đồ dùng học tập?  - Câu khiến có tác dụng gì? | - HS nối tiếp đặt câu  - Lớp nhận xét  - HS nêu |
| GV chốt: |  |

**2. Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 1:**Gạch chân dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi Ở đâu?  a, Trần Quốc Khái quê ở huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.  b,Ngày Quốc tế thiếu nhi, chúng em cắm trại ở công viên.  c,Hôm nay bố em gặt lúa ở ngoài đồng. | |
| -Gọi HS đọc yêu cầu.  -Tổ chức làm việc cá nhân.  -GV nhận xét kết quả. | -HS nêu  - HS làm bài, 4 HS lên bảng.  a, Trần Quốc Khái quê ở huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.  b,Ngày Quốc tế thiếu nhi, chúng em cắm trại ở công viên.  c,Hôm nay bố em gặt lúa ở ngoài đồng. |
| GV chốt: Bộ phận trả lời câu hỏi Ở đâu thường nằm ở đầu câu hoặc cuối câu. Khi ở đầu câu thường được ngăn cách câu bởi dấu phẩy. |  |
| **Bài 2:**Đặt câu hỏi cho bộ phận in đậm:  a,Sáng tinh mơ, ông em đã cặm cụi làm việc ở **ngoài vườn.**  b,**Trên các vách núi**, những chùm phong lan đang khoe sắc màu rực rỡ.  c,**Từ căn gác nhỏ của mình**, Hải có thể nghe thấy tất cả các âm thanh náo nhiệt, ồn ã của thành phố thủ đô. | |
| -Gọi HS đọc yêu cầu.  -Yêu cầu HS làm việc nhóm đôi. | - HS nêu yêu cầu.  -HS thảo luận nhóm đôi, đại diện nhóm nêu kết quả.  a,Sáng tinh mơ, ông em đã cặm cụi làm việc ở đâu?  b, Những chùm phong lan đang khoe sắc màu rực rỡ ở đâu?  c, Từ đâu, Hải có thể nghe thấy tất cả các âm thanh náo nhiệt, ồn ã của thành phố thủ đô? |
| GV chốt: Cách đặt và trả lời câu hỏi ở đâu. |  |
| **Bài 3**. Điền *dấu hai chấm* vào vị trí thích hợp trong mỗi câu sau:  a, Cơn mưa rào làm cho mọi thứ trên đường phố trở lên sạch đẹp hơn con đường bóng loáng, cây cối xanh mướt, không khí trong lành,...  b, Vùng Hòn với những vòm lá với đủ các loại cây trái mít, dừa, cau, mẵng cầu, lê-ki-ma măng cụt sum sê nhẫy nhượt.  c, Những cảnh tuyệt đẹp của đất nước dần hiện ra cánh đồng với những đàn trâu thung thăng gặm cỏ, dòng sông với những đoàn thuyền ngược xuôi… | |
| - Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.  -Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4.  - GV nhận xét chốt đáp án. | -HS nêu.  -HS thảo luận, đại diện nhóm nêu kết quả.  a, Cơn mưa rào làm cho mọi thứ trên đường phố trở lên sạch đẹp hơn: con đường bóng loáng, cây cối xanh mướt, không khí trong lành,...  b, Vùng Hòn với những vòm lá với đủ các loại cây trái: mít, dừa, cau, mẵng cầu, lê-ki-ma măng cụt sum sê nhẫy nhượt.  c, Những cảnh tuyệt đẹp của đất nước dần hiện ra: cánh đồng với những đàn trâu thung thăng gặm cỏ, dòng sông với những đoàn thuyền ngược xuôi… |
| GV chốt: Dấu hai chấm có tác dụng dùng để liệt kê, dẫn lời nói trực tiếp,… |  |

**3. Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 4:** Đọc câu văn dưới đây và cho biết dấu hai chấm có tác dụng gì?  a. Giờ đây, cô Ve xanh có một thân hình bề ngoài giống hệt các cô Ve khác: một cái đầu mượt như nhung tơ, một dáng vẻ cân đối thon thả, một bộ cánh sành điệu, mỏng tang.  b. Kĩ thuật tranh làng Hồ đã đạt tới đỉnh cao sự tinh tế: những bộ tranh tố nữ áo màu, quần hoa chanh, nền đen lĩnh của một thứ màu đen rất Việt Nam. | |
| -Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  -HS làm việc độc lập.  -GV nhận xét, chốt kết quả. | - HS đọc yêu cầu  -HS làm việc đưa ra kết quả:  a, Dấu hai chấm dùng để liệt kê.  b, Dấu hai chấm dùng để liệt kê. |
| GV chốt: Cách sử dụng dấu hai chấm. |  |
| -Dặn dò HS ôn lại bài, chuẩn bị tiết học sau.  -GV nhận xét tiết học. | -HS chú ý lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………….

Tiếng Việt( Tăng)

**Góc sáng tạo: Ý tưởng của em**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phát triển năng lực đặc thù:**

*1.1. Năng lực ngôn ngữ:*

+ HS biết viết một đoạn văn (7 – 8 câu) về đồ vật ( đồ chơi) thể hiện ý tưởng của em

- Viết được đoạn văn trình bày ý tưởng của mình. Đoạn văn thể hiện rõ ràng ý tưởng, mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp. Biết sử dụng dấu câu phù hợp.

*1.2. Năng lực văn học:*

- Biết viết đoạn văn thể hiện ý tưởng, bày tỏ được cảm xúc của mình với sản phẩm sáng tạo.

**2. Góp phần phát triển năng lực chung và phẩm chất:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, tập trung suy nghĩ, sáng tạo và hoàn thành.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết nhận xét, trao đổi về ý tưởng, bài viết của bạn.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ luyện viết, rèn tính cẩn thận, óc thẩm mỹ khi viết chữ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**2. Học sinh:** SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1. Khởi động**

|  |  |
| --- | --- |
| - Nêu tên các đồ vật mà em định thiết kế?  - Tác dụng của đồ vật đó ntn?  - GV chốt: Đồ vật miêu tả có thể là đồ dùng học tập, đồ chơi, đồ dùng ở nhà,đồ dùng cá nhân nhưng thuận tiện hơn cái mà em đang có. | - HS lần lượt nêu. |

**2. Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đề bài: Viết một đoạn văn ngắn tả một đồ vật ( đồ chơi, trang phục…..) thể hiện một ý tưởng sáng tạo của em.** | |
| **2.1. Tìm hiểu yêu cầu của bài:** | |
| - GV mời HS đọc yêu cầu bài.  - Đề bài yêu cầu gì?  - Gọi một vài HS đã có ý tưởng trình bày. | -2 HS đọc yêu cầu bài.  - HS nêu:  - HS nêu: Chiếc váy, chong chóng, chiếc ô tô, con mèo, con chó....... |
| + Đồ vật đó làm bằng chất liệu gì? | - Vải, gỗ, sắt……… |
| + Đồ vật mà các em miêu tả có gì đặc biệt? | + HS lần lượt nêu. |
| +Tác dụng của đồ vật đó như thế nào? | + HS nêu. |
| - GV nhận xét, chốt đáp án đúng. |  |

**2.2. Viết đoạn văn**

|  |  |
| --- | --- |
| - GV yêu cầu HS viết vào vở ô li.  - GV theo dõi, giúp đỡ các em viết bài. | - HS viết bài vào vở ô li. |
| 2.3. Đọc đoạn văn trước lớp  - GV tổ chức cho HS đọc và chữa bài cho nhau.  - GV mời một số HS đọc kết quả bài làm của mình trước lớp.  - GV mời HS nhận xét  - GV hướng dẫn HS nhận xét bài của bạn về cách dùng từ, sắp xếp ý.  - GV thu một số bài đánh giá và nhận xét sửa những lỗi chung HS thường mắc phải. (VD: lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi trình bày) | - HS đọc và chữa bài cho nhau trong nhóm 4.  - Vài HS đọc bài viết của mình trước lớp.  - HS khác nhận xét  - HS nộp vở để GV kiểm tra, đánh giá. |

**3. Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| - GV đọc bài của học sinh viết có sáng tạo, có câu văn hay để HS khác học tập. | + HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| - Nhắc nhở các em cần nghiêm túc trong các hoạt động tập thể. Biết giữ trật tự, không ồn ào nơi công cộng,... |  |
| - Nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà. |  |
| Đoạn văn tham khảo  Em có ý tưởng thiết kế một chiếc váy thật đẹp. Váy được may bằng vải lụa màu vàng. Cạp váy được đính hạt cườm nhiều màu. Trên thân váy được thêu những họa tiết hoa lá. Dưới chân váy cắt lượn sóng và thêu ren. Váy được mặc với áo màu đỏ. Mỗi khi xoay người, váy xòe ra bốn phía như một đóa hoa sặc sỡ. Mặc chiếc váy đó em thấy mình xinh đẹp, tự tin hơn. | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Nếu có)**

………………………………………………………………………………………